

Số: 242 /QĐ-DHSPKTND

Ninh Bình, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện
Học kỳ I năm học 2025 - 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

- Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;
 - Căn cứ Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 12/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ GDĐT;
 - Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 29/4/2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;
 - Căn cứ Quyết định số 1234/QĐ-DHSPKTND ngày 26/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định về việc ban hành Quy định thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định;
 - Căn cứ biên bản họp ngày 02/4/2026 của Hội đồng xét duyệt học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện đối với sinh viên;
- Theo đề nghị của Trường phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

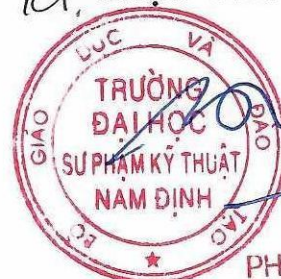
Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập và rèn luyện học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho 106 SV Đại học (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trường phòng Kế toán - Tài chính, Trường phòng Công tác SV, Trường khoa CNTT, Trường khoa Đ - DT, Trường khoa Cơ khí, Trường khoa Kinh tế, Cán bộ quản lý lớp và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *we*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (KT-TC: 4 bản);
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, CTSV.

kt, **HIỆU TRƯỞNG**



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Mạnh Tiến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐK - 16;17;18;19;20 và LTĐH -18;19
ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026**

(Kèm theo Quyết định số: 242/QĐ-ĐHSPKTND ngày 03 tháng 4 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
1	21D1100078	Nguyễn Hữu Thắng	ĐK - CNTT 16B	4.00	93	Xuất sắc	1.2	8.640.000	ĐHCN K16/Khoa CNTT
2	21D1100049	Trần Ngọc Ánh	ĐK - CNTT 16B	4.00	86	Tốt	1.1	7.920.000	//
3	21D1050010	Trần Đăng Khoa	ĐK - CTM 16	4.00	98	Xuất sắc	1.2	7.680.000	ĐHCN K16/Khoa CK
4	21D1080074	Trần Đình Đăng	ĐK - Ôtô 16B	4.00	98	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
5	21D1080036	Bùi Minh Quân	ĐK - Ôtô 16A	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
6	21D1080092	Vũ Đình Quang	ĐK - Ôtô 16B	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
7	21D1080111	Vũ Hoàng Vinh	ĐK - Ôtô 16B	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
8	21D1040004	Nguyễn Hải Anh	ĐK - ĐKTĐ 16	4.00	100	Xuất sắc	1.2	8.640.000	ĐHCN K16/Khoa Đ-ĐT
9	21D1040010	Vũ Đức Duy	ĐK - ĐKTĐ 16	4.00	98	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
10	21D1040049	Bùi Hải Việt	ĐK - ĐKTĐ 16	4.00	98	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
11	21D1020012	Đoàn Hoàng Xuân Quý	ĐK - KTD 16	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.640.000	//
12	22D1050003	Hoàng Đức Cường	ĐH - CTM 17	3.83	90	Xuất sắc	1.2	9.720.000	ĐHCN K17/Khoa CK
13	22D1080031	Phạm Trọng Thế	ĐH - ÔTÔ 17A	3.82	100	Xuất sắc	1.2	9.180.000	//
14	22D1080038	Tô Thanh Tùng	ĐH - ÔTÔ 17A	3.82	98	Xuất sắc	1.2	9.180.000	//
15	22D1060007	Vũ Cường Thịnh	ĐH - CK 17	3.61	94	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
16	22D1060002	Lại Đức Hòa	ĐH - CK 17	3.94	88	Tốt	1.1	8.910.000	//
17	22D1100025	Lưu Hoàng Nhật	ĐH - CNTT 17	4.00	100	Xuất sắc	1.2	8.100.000	ĐHCN K17/Khoa CNTT

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
18	22D1100038	Nguyễn Bá	Thắng	ĐH - KHMT 17	4.00	100	Xuất sắc	1.2	8.100.000	//
19	22D1100037	Mai Văn	Thắng	ĐH - CNTT 17	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.100.000	//
20	22D1040052	Trần	Tiến	ĐH - ĐKTĐ 17	4.00	100	Xuất sắc	1.2	9.720.000	ĐHCN K17/Khoa Đ-ĐT
21	22D1040058	Phan Hồng	Tuyên	ĐH - ĐKTĐ 17	4.00	98	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
22	22D1020012	Lê Đức	Khá	ĐH - KTĐ 17	3.89	98	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
23	22D1040022	Đinh Thị Thu	Hiền	ĐH - ĐKTĐ 17	3.89	96	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
24	22D1040026	Nguyễn Đức	Hùng	ĐH - ĐKTĐ 17	3.89	96	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
25	22D1040046	Nguyễn Công	Son	ĐH - ĐKTĐ 17	3.72	94	Xuất sắc	1.2	9.720.000	//
26	23D1100034	Nguyễn Hoàng	Xuân	ĐH - CNTT 18	3.67	92	Xuất sắc	1.2	11.232.000	ĐHCN K18/Khoa CNTT
27	23D1040011	Nguyễn Ngọc	Đạt	ĐH - ĐKTĐ 18	4.00	100	Xuất sắc	1.2	9.984.000	ĐHCN K18/Khoa Đ-ĐT
28	23D1040024	Trần Công	Hồi	ĐH - ĐKTĐ 18	3.81	100	Xuất sắc	1.2	9.984.000	//
29	23D1010014	Trần Văn	Thương	ĐH - ĐĐT 18	3.76	100	Xuất sắc	1.2	10.608.000	//
30	23D1040036	Trần Công	Minh	ĐH - ĐKTĐ 18	3.69	96	Xuất sắc	1.2	9.984.000	//
31	23D1040033	Trần Hữu	Lộc	ĐH - ĐKTĐ 18	3.75	86	Tốt	1.1	9.152.000	//
32	23D1050003	Trần Văn	Quyền	ĐH - CTM 18	3.88	98	Xuất sắc	1.2	10.608.000	ĐHCN K18/Khoa CK
33	23D1150001	Lại Trọng	Bách	ĐH - CĐT 18	3.82	100	Xuất sắc	1.2	10.608.000	//
34	23D1050005	Trịnh Đình	Tú	ĐH - CTM 18	3.71	96	Xuất sắc	1.2	10.608.000	//
35	23D1050006	Lê Quang	Khải	ĐH - CTM 18	3.71	94	Xuất sắc	1.2	10.608.000	//
36	23D1080026	Lê Thị Khánh	Linh	ĐH - Ô tô 18A	3.65	92	Xuất sắc	1.2	10.608.000	//
37	24D1150003	Trần Đức	Mạnh	ĐH - CĐT 19	3.63	98	Xuất sắc	1.2	11.136.000	ĐHCN K18/Khoa Đ-ĐT
38	24D1060002	Vũ Nguyễn Mạnh	Cường	ĐH - CK 19	3.63	90	Xuất sắc	1.2	11.136.000	ĐHCN K19/Khoa CK
39	24D1150002	Trần Văn	Hà	ĐH - CĐT 19	3.50	86	Tốt	1.1	10.208.000	//
40	24D1080014	Vũ Minh	Đức	ĐH - Ô tô 19A	3.38	90	Xuất sắc	1.1	10.208.000	//
41	24D1150004	Nguyễn Đức	Phúc	ĐH - CĐT 19	3.25	90	Xuất sắc	1.1	10.208.000	//
42	24D1080052	Trần Minh	Đức	ĐH - Ô tô 19B	3.13	90	Xuất sắc	1	9.280.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
43	24D1080067	Nguyễn Bao Ngọc	ĐH - Ô tô 19B	3.13	90	Xuất sắc	1	9.280.000	//
44	24D1100038	Phạm Ngọc Minh	ĐH - CNTT 19	3.88	94	Xuất sắc	1.2	11.136.000	ĐHCN K19 Khoa CNTT
45	24D1190004	Hoàng Hải Yến	ĐH - ĐHMT 19	3.75	90	Xuất sắc	1.2	11.136.000	//
46	24D1190002	Trần Thị Thu Hằng	ĐH - ĐHMT 19	3.69	90	Xuất sắc	1.2	11.136.000	//
47	24D1040036	Vũ Công Toàn	ĐH - ĐKTD 19A	3.76	90	Xuất sắc	1.2	11.832.000	ĐHCN K19 Khoa Đ-ĐT
48	24D1020004	Nguyễn Công Du	ĐH - KTD 19	3.71	98	Xuất sắc	1.2	11.832.000	//
49	24D1010033	Đoàn Minh Tân	ĐH - ĐĐT 19	3.65	96	Xuất sắc	1.2	11.832.000	//
50	24D1020009	Hoàng Thị Ngọc Lan	ĐH - KTD 19	3.76	89	Lớt	1.1	10.846.000	//
51	24D1010034	Trần Phương Thảo	ĐH - ĐĐT 19	3.53	90	Xuất sắc	1.1	10.846.000	//
52	24D1040016	Nguyễn Mạnh Hùng	ĐH - ĐKTD 19A	3.47	89	Lớt	1.1	10.846.000	//
53	24D1040012	Đặng Văn Hiệp	ĐH - ĐKTD 19A	3.41	90	Xuất sắc	1.1	10.846.000	//
54	24D1010015	Trần Lưu Huy Hoàng	ĐH - ĐĐT 19	3.35	90	Xuất sắc	1.1	10.846.000	//
55	25D1100027	Nguyễn Hạnh My	ĐH - CNTT 20	3.80	100	Xuất sắc	1.2	11.520.000	ĐHCN K20
56	25D1100032	Vũ Hồng Phúc	ĐH - CNTT 20	3.80	100	Xuất sắc	1.2	11.520.000	//
57	25D1040032	Phạm Xuân Thịnh	ĐH - ĐKTD 20A	3.75	96	Xuất sắc	1.2	12.288.000	//
58	25D1010039	Lê Đức Tài	ĐH - ĐĐT 20	3.75	94	Xuất sắc	1.2	12.288.000	//
59	25D1150013	Trịnh Minh Quân	ĐH - CĐT 20	3.69	100	Xuất sắc	1.2	12.288.000	//
60	25D1040033	Lê Văn Tiến	ĐH - ĐKTD 20A	3.69	96	Xuất sắc	1.2	12.288.000	//
61	25D1100042	Phạm Đăng Việt	ĐH - CNTT 20	3.60	96	Xuất sắc	1.2	11.520.000	//
62	25D1100016	Nguyễn Việt Hùng	ĐH - CNTT 20	3.60	90	Xuất sắc	1.2	11.520.000	//
63	25D1040120	Nguyễn Thanh Duy	ĐH - ĐKTD 20B	4.00	84	Lớt	1.1	7.744.000	//
64	25D1100010	Nguyễn Trường Giang	ĐH - CNTT 20	3.80	86	Lớt	1.1	10.560.000	//
65	25D1040105	Trần Minh Khôi	ĐH - ĐKTD 20C	3.75	86	Lớt	1.1	11.264.000	//
66	25D1040110	Trần Minh Mẫn	ĐH - ĐKTD 20C	3.75	86	Lớt	1.1	11.264.000	//
67	25D1140003	Trần Đăng Minh	ĐH - HTĐ 20	3.69	84	Lớt	1.1	11.264.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
68	25D1040025	Đoàn Minh Quang	ĐH - ĐKTĐ 20A	3.63	86	Tốt	1.1	11.264.000	//
69	25D1100004	Nguyễn Trung Đức	ĐH - CNTT 20	3.60	86	Tốt	1.1	10.560.000	//
70	25D1060016	Phạm Ngọc Tân	ĐH - CK 20	3.56	90	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
71	25D1040079	Bùi Công Vinh	ĐH - ĐKTĐ 20B	3.56	86	Tốt	1.1	11.264.000	//
72	25D1100018	Vũ Thị Huyền	ĐH - CNTT 20	3.53	86	Tốt	1.1	10.560.000	//
73	25D1150005	Hà Trường Giang	ĐH - CĐT 20	3.50	85	Tốt	1.1	11.264.000	//
74	25D1140004	Phạm Quang Thái	ĐH - HTĐ 20	3.50	84	Tốt	1.1	11.264.000	//
75	25D1190004	Phạm Hoàng Dương	ĐH - ĐHMT 20	3.47	80	Tốt	1.1	10.560.000	//
76	25D1080031	Đặng Thế Sơn	ĐH - Ô tô 20A	3.44	96	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
77	25D1010023	Nguyễn Ngọc Huy	ĐH - ĐĐT 20	3.44	92	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
78	25D1040073	Nguyễn Sỹ Thiện	ĐH - ĐKTĐ 20B	3.44	90	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
79	25D1150015	Trần Minh Tuấn	ĐH - CĐT 20	3.44	89	Tốt	1.1	11.264.000	//
80	25D1040018	Nguyễn Văn Lâm	ĐH - ĐKTĐ 20A	3.44	86	Tốt	1.1	11.264.000	//
81	25D1040068	Lê Đức Quang	ĐH - ĐKTĐ 20B	3.44	86	Tốt	1.1	11.264.000	//
82	25D1050011	Trịnh Hữu Minh	ĐH - CTM 20	3.38	100	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
83	25D1040027	Trần Quang Quý	ĐH - ĐKTĐ 20A	3.38	96	Xuất sắc	1.1	11.264.000	//
84	25D1190011	Trần Ngọc Anh Tú	ĐH - ĐHMT 20	3.33	90	Xuất sắc	1.1	10.560.000	//
85	25D1100039	Trần Thị Thơm	ĐH - CNTT 20	3.33	86	Tốt	1.1	10.560.000	//
86	25D1100005	Nguyễn Văn Đức	ĐH - CNTT 20	3.33	84	Tốt	1.1	10.560.000	//
87	22D1110015	Phạm Phương Nhung	ĐH - KT 17	4.00	96	Xuất sắc	1.2	8.640.000	DHCN K17/Khoa KT
88	22D1120007	Võ Ngọc Yến Nhi	ĐH - QTKD 17	3.82	96	Xuất sắc	1.2	8.160.000	//
89	23D1110003	Nguyễn Thị Hiền	ĐH - KT 18	3.72	94	Xuất sắc	1.2	9.720.000	DHCN K18/Khoa KT
90	24D1180002	Hoàng Thị Hồng Nhung	ĐH - LGT 19	4.00	96	Xuất sắc	1.2	9.792.000	DHCN K19/Khoa KT
91	25D1180002	Trần Phương Anh	ĐH - LGT 20	3.71	96	Xuất sắc	1.2	9.576.000	DHCN K120/Khoa KT
92	25D1110008	Đào Thị Huyền	ĐH - KT 20	3.50	86	Tốt	1.1	8.778.000	//

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp sinh viên	Kết quả học tập (Thang điểm 4)	Điểm rèn luyện	Kết quả rèn luyện	Mức học bổng (Hệ số)	Thành tiền (đồng/học kỳ)	Ghi chú
93	25D1110003	Nguyễn Phương Anh	DH - KT 20	3.43	86	Tốt	1.1	8.778.000	//
94	25D1180007	Hà Thị Xuân Mai	DH - LGT 20	3.29	96	Xuất sắc	1.1	8.778.000	//
95	24LC110004	Cúc Linh	LTĐH - CNTT 18	3.82	94	Xuất sắc	1.2	11.832.000	DHLT K18/Khoa CNTT
96	24LS108009	Vũ Văn Vỹ	LTĐH - Ô tô 18	3.59	96	Xuất sắc	1.1	10.846.000	DHLT K18/Khoa CK
97	24LS101004	Trần Đức Hiếu	LTĐH - ĐĐT 18	3.90	96	Xuất sắc	1.2	13.920.000	DHLT K18/Khoa Đ-ĐT
98	25LC110006	Nguyễn Phong Phú	LTĐH - CNTT 19	3.50	93	Xuất sắc	1.1	7.040.000	DHLT K19/Khoa CNTT
99	25LS108008	Phan Bá Nhân	LTĐH - Ô tô 19	3.69	92	Xuất sắc	1.2	9.984.000	DHLT K19/Khoa CK
100	25LC101015	Đàm Thị Kim Nhung	LTĐH - ĐĐT 19	3.73	94	Xuất sắc	1.2	11.520.000	DHLT K19/Khoa Đ-ĐT
101	24LC111011	Nguyễn Thị Liễu	LTĐH - KT 18	4.00	94	Xuất sắc	1.2	8.568.000	DHLT K18/Khoa KT
102	24LC111004	Vũ Thị Thu Hà	LTĐH - KT 18	3.86	94	Xuất sắc	1.2	8.568.000	//
103	24LC112016	Trần Thái Học	LTĐH - QTKD 18	3.67	94	Xuất sắc	1.2	11.016.000	//
104	24LC112028	Phạm Thị Bắc	LTĐH - KT 18	3.87	84	Tốt	1.1	8.415.000	//
105	25LC111008	Phạm Thị Tú	LTĐH - KT 19	3.90	92	Xuất sắc	1.2	13.680.000	DHLT K19/Khoa KT
106	25LC111004	Trần Mai Phượng	LTĐH - KT 19	3.79	96	Xuất sắc	1.2	16.416.000	//
Tổng cộng:								1.092.411.000	

Ấn định danh sách 106 sinh viên. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Mạnh Tiến